

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 06/2016/DSST

Ngày: 23/9/2016

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG - TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vương Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Bà: Đỗ Mai Dung

2- Bà: Nguyễn Thị Oanh

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Chung, Thư ký Tòa án nhân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tham gia phiên Tòa: Bà Hoàng Thị Lượng, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 9 năm 2016, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang - tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 18/2015/TLST - DS ngày 11/08/2015 về việc: "Đòi lại tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2016/QĐXX - ST ngày 30/8/2016 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị D, sinh năm 1974 (Có mặt tại phiên tòa).

Nơi ĐKKHKT: Tổ 8, thị trấn Việt Quang, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

Bị đơn: Chị Lê Thị Ngọc A, sinh năm 1971 (Có mặt tại phiên tòa).

Nơi ĐKKHKT: Thôn Pắc Há, xã Quang Minh, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang;

NHẬN THẤY:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/06/2015 nguyên đơn - chị Vũ Thị D trình bày: Năm 2012 chị cho chị Lê Thị Ngọc A vay tổng số tiền 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng*), cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 01/02/2012 chị A vay số tiền 80.000.000đ (*tám mươi triệu đồng chẵn*), không ghi thời hạn trả và lãi xuất.

Lần 2: Ngày 16/4/2012 chị A vay số tiền 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng chẵn*). Thời hạn vay 02 tháng, không ghi lãi xuất.

Lần 3: Ngày 15/10/2012 chị A vay số tiền 196.000.000đ (*một trăm chín mươi sáu triệu đồng chẵn*). Thời hạn vay 90 ngày, không ghi lãi xuất.

Cả 3 lần vay chị Lê Thị Ngọc A đều tự điền các thông tin vào Giấy vay tiền in sẵn của gia đình chị, ký và viết tên người vay tiền, trong giấy vay nợ không ghi lãi suất nhưng chị và chị A có thỏa thuận lãi suất là 3%/1 tháng. Số tiền vay lần 1 và lần 2 chị A đều trả lãi đầy đủ đến T10/2012. Nhưng kể từ lần vay thứ 3 (ngày 15/10/2012) cho đến nay chị A không trả cho chị đồng nào. Chị cũng đã xuống nhà chị A đòi tiền nhiều lần nhưng chị A đều khất với lý do chị A kinh doanh gặp nhiều khó khăn, không có tiền mặt trả, mọi tài sản ở nhà chị A đều mang tên của cả hai vợ chồng nên phải chờ anh K chồng chị A đi làm ăn xa về mới giải quyết được. Đến tháng 12/2014 chị A thông báo với chị D là chồng chị A đã đi làm về nhưng phải để cho chồng chị nghỉ ngơi rồi chị sẽ bàn bạc hướng trả nợ cho chị D được. Sau đó chị A lại hẹn thời gian trả nợ cho chị D sau tết âm lịch năm 2015. Vì tin tưởng chị A là người làm ăn sòng phẳng nên chị D đã tạo điều kiện cho chị A thu xếp công nợ trả dần, giải quyết bằng tình cảm nhưng chị A không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã hứa, do vậy buộc chị D phải làm đơn khởi kiện chị A ra Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang. Chị Vũ Thị D đề nghị Tòa án buộc chị Lê Thị Ngọc A phải trả cho chị số tiền gốc là 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*), không tính lãi suất, vì chị biết chị A đang khó khăn về kinh tế.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại Bản tự khai của đương sự ngày 04/9/2015 (bút lục số 17,18,19), bị đơn Lê Thị Ngọc A trình bày: Số tiền 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng*) chị D khởi kiện chị ra Tòa án không phải nợ gốc mà thực chất là nợ lãi của số tiền 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) chị đã vay của chị D vào ngày 20/6/2011 để đảo nợ Ngân hàng, vì không có tài sản thế chấp nên chị D không cho chị vay, buộc lòng chị phải nhờ vợ chồng em cô của chị là chị L, anh H đứng ra bảo lãnh và đứng tên vay giúp chị, lúc đó chị D mới nhất trí cho chị vay. Hai bên thỏa thuận lãi suất là 3.000đ/1 triệu/01 ngày. Sau hai tháng Ngân hàng mới giải ngân nhưng trong thời gian đó gia đình chị xảy ra nhiều việc nên chị chưa thu xếp trả cho chị D được.

Đến ngày 20/11/2011 chị D yêu cầu chị và vợ chồng chị L lên ký lại hợp đồng cho hợp lý hóa, chị tin tưởng nên đã nhờ vợ chồng chị L ký lại hộ còn chị đến chiều tối chị D và chị Thanh T mang hợp đồng xuống nhà chị cho chị ký lại cả nợ gốc và lãi là 320.000.000đ (*ba trăm hai mươi triệu đồng*), vì chiều tối cửa hàng đang đông khách chị cũng ký luôn mà không tính toán cùng chị D, nhưng chị có nghe chị D nói là chỉ làm hợp đồng là 300.000.000đ (*ba trăm triệu đồng*) cho chẵn, ngoài hợp đồng còn 20.000.000đ (*hai mươi triệu đồng*) nữa.

Do chị không có tiền trả nên đến ngày 01/02/2012 chị D gọi chị lên và tính lãi của 320.000.000 đồng (thời gian từ ngày 20/12/2011 đến ngày 01/02/2012)

$320.000.000đ \times 3.000đ/1\text{triệu}/1\text{ngày} = 960.000đ \times 40 \text{ ngày} = 38.400.000đ (\text{lãi}) + 320.000.000đ = 358.400.000đ + 20.000.000đ$ nợ không ghi giấy như chị đã trình bày ở trên = 78.400.000đ, chị D nói ghi tròn vào giấy là 80 triệu để tháng sau bớt lãi đi.

Đây là lý do chị A cho rằng nghỉ nợ khoản vay lần 1 ngày 01/02/2012

Tiếp đến ngày 16/4/2012 chị D lại gọi chị A lên và cộng lãi tiếp (từ ngày 02/02/2012 đến ngày 16/4/2012):

Lãi xuất phát sinh của 2 khoản vay: 300 triệu (hợp đồng đứng tên nhà L - H) và 80 triệu nợ lãi. Tổng là 380.000.000đ (ba trăm tám mươi triệu đồng). Từ đó trở đi chị A cũng không trả được nợ gốc và nợ lãi nên lãi mẹ đẻ lãi con. Các lần tính lãi tiếp theo được tính như sau:

$$380.000.000\text{đ} \times 3.000\text{đ}/1\text{triệu}/1\text{ngày} = 1.140.000\text{đ} \times 30 \text{ ngày} = 34.200.000\text{đ}.$$

$$380.000.000\text{đ} + 34.200.000\text{đ} = 414.200.000\text{đ}.$$

$$414.200.000\text{đ} \times 3.000\text{đ}/1\text{triệu}/1\text{ngày} = 1.242.600\text{đ} \times 30 \text{ ngày} = 37.278.000\text{đ}$$

$$414.200.000\text{đ} + 37.278.000\text{đ} = 451.478.000\text{đ}.$$

$$451.478.000\text{đ} \times 3.000\text{đ}/1\text{triệu}/1\text{ngày} = 1.354.000\text{đ} \times 13 \text{ ngày} = 17.602.000\text{đ}$$

$$451.478.000\text{đ} + 17.602.000\text{đ} = 469.080.000\text{đ}$$

$$469.080.000\text{đ} - 380.000.000\text{đ} (\text{cả nợ gốc và lãi}) = 89.080.000\text{đ}.$$

Đó là lý do chị A cho rằng chị đã viết giấy nợ lần 2 ngày 16/4/2012.

Lần vay thứ hai, sau đó chị A cũng không trả được nợ lãi và nợ gốc.

Đến ngày 16/4/2012 đến ngày 15/10/2012, tổng hai giấy nợ lần 1 = 80 triệu, lần 2 = 90 triệu và hợp đồng vay nợ mang tên người nợ là vợ chồng L - H = 300 triệu cộng lại là 470.000.000đ (Bốn trăm bảy mươi triệu đồng) và lại cộng lãi tiếp:

$$470.000.000\text{đ} \times 3.000\text{đ}/1\text{triệu}/1\text{ngày} = 1.410.000\text{đ} \times 140 \text{ ngày} = 197.400.000\text{đ} - 1.400.000 \text{ mà Giấy vay lần 1 còn dư để tròn số} = 196.000.000\text{đ} (\text{một trăm chín mươi sáu triệu đồng})$$

Đó là lý do chị A cho rằng chị đã viết giấy vay tiền lần 3 ngày 15/10/2012

Vì vậy, chị Lê Thị Ngọc A mong muốn chị D cho chị thời gian để chị thỏa thuận với chị D.

Do các bên mâu thuẫn về nguồn gốc số tiền vay nên Tòa án đã tổ chức đối chất 02 lần (bút lục 76,77) và (bút lục 80), song chị Lê Thị Ngọc A không đưa ra được căn cứ chứng minh số tiền 366.000.000đ (ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn) chị Vũ Thị D khởi kiện chị trong vụ án này là nợ lãi phát sinh của khoản vay 200.000.000đ (hai trăm triệu đồng) mà chị nhờ vợ chồng em cô của chị là chị L, anh H đã đứng tên vay giúp chị ngày 20/6/2011 như chị đã trình bày.

Trong suốt quá trình giải quyết, chị Vũ Thị D giữ nguyên quan điểm về việc khởi kiện đối với chị Lê Thị Ngọc A và khẳng định 03 giấy biên nhận nợ mà chị đã cung cấp cho Tòa án đều là nợ gốc chứ không phải nợ lãi phát sinh. Chị D đề nghị Tòa án buộc chị Lê Thị Ngọc A phải trả cho chị tổng số tiền vay của cả 03 lần là: 366.000.000đ (ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn). Trong phiên hòa giải lần 1 ngày 23/12/2015 (bút lục 35 - 39) chị A trình bày hoàn cảnh gia đình chị hiện nay đang rất khó khăn về kinh tế nên chị chỉ có khả năng trả cho chị D số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) nhưng chị D không nhất trí. Đến phiên hòa giải lần 2, ngày 30/8/2016 chị Lê Thị Ngọc A cho rằng chị đã ký nhận vay tiền thì chị phải có trách nhiệm trả, tuy nhiên hiện nay hoàn cảnh khó khăn nên chị chưa

có khả năng trả cho chị D ngay được và cũng không thể đưa ra mức mỗi tháng phải trả cho chị D bao nhiêu. Nếu chị D tạo điều kiện thì cứ khi nào có tiền cho dù ít hay nhiều chị cũng sẽ gửi trả xho chị D kể từ nay cho đến khi trả đủ số tiền 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*) chị D đang khởi kiện chị tại Tòa án.

Do các bên đương sự không thống nhất được với nhau về phương thức và thời gian thanh toán nên vụ kiện được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- **Về tố tụng:** Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Lê Thị Ngọc A cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh chị là con của liệt sỹ (bút lục 43 đến 45), do đó Tòa án đã hướng dẫn cho chị A làm đơn yêu cầu trợ giúp pháp lý và gửi toàn bộ tài liệu, giấy tờ chị A cung cấp cho Tòa án đến Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang để Trung tâm cử Luật sư tham gia tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng cho bị đơn theo quy định của Luật trợ giúp pháp lý; Nghị định 07/2007/NĐ - CP; Nghị định 14/2013/NĐ - CP quy định về những người được trợ giúp pháp lý. Tuy nhiên, khi tiếp cận, trao đổi với Luật sư được Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hà Giang cử tham gia tố tụng thì bị đơn Lê Thị Ngọc A từ chối Luật sư được trung tâm cử đồng thời đề nghị thay đổi Luật sư khác tham gia bảo vệ quyền lợi cho bị đơn nhưng không được Trung tâm trợ giúp pháp lý chấp nhận, theo nội dung công văn số 32/TGPL - PNV ngày 06/5/2016 (bút lục số 62; 64, 65) và sau đó bị đơn đã có ý kiến sẽ tự bảo vệ quyền lợi cho mình mà không cần có Luật sư tham gia tố tụng để trợ giúp pháp lý cho bị đơn (bút lục 74, 75).

- **Về nội dung:** Khi thụ lý hồ sơ vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi lại tài sản" theo đúng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, quá trình giải quyết thể hiện tranh chấp phát sinh giữa các đương sự xuất phát từ Hợp đồng vay tài sản, "*...là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng*" theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự, do đó Hội đồng xét xử thấy rằng cần thay đổi lại quan hệ tranh chấp của vụ án này là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" mới đúng với bản chất của sự việc, đúng quy định của pháp luật.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Trước hết, xét về 03 giấy biên nhận vay tiền chị D cung cấp để đề nghị Tòa án buộc chị Lê Thị Ngọc A phải trả cho chị tổng số tiền là 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*) đều do chị A ký nhận là bên vay tiền, đồng thời chị A tự điền những thông tin vào mẫu giấy vay tiền của gia đình chị D. Riêng giấy biên nhận vay tiền lần thứ 3 (ngày 15/10/2012), tại phiên tòa hôm nay chị A cho rằng

chị không được viết số "90" và "thời hạn 15/10/2012 - 15/1/2012", nhưng chị A cũng không yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ viết này là của ai. Phía chị D không phản đối ý kiến của chị A, vì thời gian đã quá lâu nên chị không nhớ chị có được điền thêm thông tin vào Giấy vay tiền như chị A đã nêu hay không. Hội đồng xét xử thấy rằng ý kiến của chị A trình bày tại phiên tòa không làm thay đổi bản chất sự việc cũng như nội dung của vụ án mà vẫn có đủ cơ sở để khẳng định, cả 03 giấy biên nhận với tổng số tiền 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*) mà chị D đã cung cấp chứng cứ cho Tòa án đều được coi là chứng cứ hợp pháp và cần được chấp nhận.

Đối với sự phản đối của bị đơn Lê Thị Ngọc A: Chị A cho rằng 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*) chị D khởi kiện chị trong vụ án này không phải nợ gốc mà là nợ lãi phát sinh của khoản vay 200.000.000đ (*hai trăm triệu đồng*) mà chị nhờ vợ chồng em cô của chị là chị L, anh H đã đứng tên vay giúp chị ngày 20/6/2011 nhưng số liệu chị A diễn giải không trùng khớp với số tiền của cả 3 lần chị ký nhận vay của chị D, đồng thời chị D cũng bác bỏ ý kiến mà chị A đã trình bày. Tuy nhiên, trong phiên hòa giải lần 2 ngày 30/8/2016 và tại phiên tòa hôm nay chị A cũng xác nhận là chị không có tài liệu, chứng cứ chứng minh cho sự phản đối của mình là có căn cứ nên chị đã ký nhận vay tiền vào 03 giấy biên nhận chị D đã cung cấp cho Tòa án thì chị phải có trách nhiệm trả đủ số tiền 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*) chị D đang khởi kiện chị tại Tòa án, song do hoàn cảnh khó khăn chị không thể đưa ra mức mỗi tháng phải trả cho chị D bao nhiêu. Chị A mong muốn chị D tạo điều kiện cho chị cứ khi nào có tiền cho dù ít hay nhiều chị cũng sẽ gửi trả cho chị D kể từ nay cho đến khi thực hiện xong, nhưng chị D không nhất trí phương thức thanh toán của chị Lê Thị Ngọc A.

Tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 quy định: "*Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án*".

Từ sự phân tích, đánh giá nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy việc bị đơn Lê Thị Ngọc A cho rằng toàn bộ số tiền 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn*) chị Vũ Thị D khởi kiện chị tại Tòa án là tiền lãi mẹ đẻ lãi con là không có cơ sở để xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng Dân sự của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự về nhiệm vụ quyền hạn của Thẩm phán cũng như thu thập chứng cứ, trình tự phiên tòa đảm bảo đúng quy định của pháp luật....

Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 256 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D. Buộc chị Lê Thị Ngọc A phải trả cho chị D số tiền là 366.000.000đ (*ba trăm sáu mươi sáu triệu*

đồng), ngoài ra chị A còn phải chịu toàn bộ án phí là 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 1 Nghị quyết số 103/2015/QH13 của Quốc hội Nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc thi hành bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; khoản 4 Điều 91; Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 471 Bộ luật Dân sự; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL - UBTVQH12 ngày 27/02/2009 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị D

Buộc chị Lê Thị Ngọc A phải có trách nhiệm thanh toán cho chị Vũ Thị D tổng số tiền theo 03 giấy biên nhận vay tiền là: 366.000.000đ (ba trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn).

- **Về án phí:** Buộc chị Lê Thị Ngọc A phải chịu 18.300.000đ (mười tám triệu ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Trả lại cho chị Vũ Thị D số tiền 9.150.000đ (chín triệu một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 02648 ngày 11/8/2015 chị D đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bắc Quang.

- **Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm có mặt các đương sự, báo cho họ biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không tự nguyện thi hành án thì người được thi hành án có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án và hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi xuất theo mức lãi xuất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS tỉnh + huyện;
- Các đương sự;
- THADS;
- Lưu HS+BP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vương Thị Thu Hà

